

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2022
*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển

2. Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Đình Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp CN, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Trương Trần Bảo T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp G, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021 và qua các lần làm việc, nguyên đơn anh Trịnh Đình Đ trình bày:

Anh và chị Trương Trần Bảo T chung sống với nhau vào năm 2017

(không nhớ ngày, tháng), hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD vào ngày 16-5-2017, nữ trang ngày không còn nên anh không yêu cầu giải quyết. Sau khi cưới anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh đến khoảng cuối năm 2019 thì ly thân đến nay.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc chăm sóc con, chị T thường xuyên nói xấu gia đình anh với hàng xóm như gia đình anh khó khăn, đánh đập, bắt chị đi buôn bán. Ngoài ra, anh không còn tin tưởng chị về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Năm 2018 chị T tự ý về nhà cha mẹ ruột sống được khoảng 02 tháng, trong thời gian này chị T tiếp tục nói xấu gia đình anh, sau đó chị T xin lỗi anh và gia đình để vợ chồng tiếp tục chung sống, tuy nhiên anh chị thường cãi nhau do chị T nói xấu gia đình anh, đến năm 2019 chị T tiếp tục bỏ về nhà ba mẹ ruột sống đến nay, từ khi ly thân anh chị không liên lạc cũng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T

Về con chung: Có 01 người là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03-4-2018 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 02 năm 2022 và tại phiên tòa, bị đơn chị Trương Trần Bảo T trình bày:

Chị thống nhất như lời trình bày của anh Đ về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nên không trình bày bổ sung.

Về nguyên nhân ly hôn, theo chị anh Đ trình bày có đúng có sai, chị không có mâu thuẫn với anh Đ và gia đình. Chị có về nhà cha mẹ chơi hai lần, lần một chơi 02 tháng, lần hai ở đến nay do anh Đ không cho về, chị ngại nên cũng không về, từ khi ly thân chị không có nói xấu gia đình chồng, trước đó chị không nhớ có nói xấu hay không. Chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 người như anh Đ trình bày, trường hợp Tòa án xử cho ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị T; về con chung: giao cháu T cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Đ và chị T chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu vào ngày 16-5-2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh Đ có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ: Theo anh Đ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh không tin tưởng chị T nhiều vấn đề trong cuộc sống, chị T chăm sóc con không tốt và thường xuyên nói gia đình anh với hàng xóm gây ảnh hưởng đến danh dự gia đình. Theo chị T, anh chị không có mâu thuẫn với nhau, từ năm 2019 đến nay chị không có nói xấu gia đình anh Đ, còn trước đó chị không nhớ. Tuy nhiên, anh chị đều thống nhất thời gian ly thân từ khoảng cuối năm 2019 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ, trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không thành do cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh người làm chứng là hàng xóm của anh Đ thể hiện: Chị T có nói xấu gia đình anh Đ như gây khó khăn cho con dâu, anh Đ và gia đình anh Đ đánh chị T, ban đầu họ tin theo lời chị T nhưng do nói nhiều lần nên họ không tin nữa.

Tại phiên tòa, anh chị xác nhận không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Thể hiện hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ với chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03-4-2018 hiện đang sống chung với anh Đ, anh Đ yêu cầu yêu cầu được

tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc, chị T đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu T được anh Đ đưa về chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 11 năm 2021 đến nay ổn định, phát triển bình thường về mọi mặt, từ khi cháu T về sống chung với anh Đ thì chị T không đến thăm nom con chung, không thể hiện sự quan tâm đối với cháu T. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như môi trường sống hiện tại, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Đình Đ đối với chị Trương Trần Bảo T. Anh Đ được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03-4-2018, cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023789 ngày 29-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên